TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **99**/2018/QĐST-HNGĐ	*Đơn Dương, ngày 22 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 146/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Châu T**, sinh năm: 1990;
Địa chỉ: Số 22 Ấp R, xã Th, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Chị **Trần Thị Như Ng**, sinh năm: 1990;
Địa chỉ: Số 127 thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:
Anh Nguyễn Châu T với chị Trần Thị Như Ng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Thảo N, sinh ngày: 16/6/2016 cho chị Trần Thị Như Ng tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Châu T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2018 đến khi con đủ 18 tuổi.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Anh Nguyễn Châu T thỏa thuận nhận chịu 150.000đ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005127 ngày 27/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương (anh T đã nộp đủ). Chị Trần Thị Như Ng không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"*Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Th, huyện G, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Luyện Thanh Sơn